

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá.

#### 1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:

##### 1.1. Giải pháp kỹ thuật:

| Nội dung yêu cầu                     | Mức độ đáp ứng   |
|--------------------------------------|--|
| 1.1.1. Mặt bằng công trường thi công | <p>- Có bản vẽ bố trí mặt bằng thi công phù hợp với yêu cầu thi công và địa điểm thi công của gói thầu đang xét thể hiện rõ các nội dung bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Khu vực thi công chính: khu vực đặt các vật liệu xây dựng; khu vực cho máy móc trong quá trình thi công;</li><li>+ Khu vực lưu trữ vật liệu: bố trí kho chứa, bãi chứa vật liệu xây dựng, nhà bảo quản mẫu thí nghiệm...</li><li>+ Khu vực sinh hoạt và quản lý: bố trí lán trại cho công nhân, văn phòng điều hành công trường, nhà vệ sinh, khu vực ăn uống...</li><li>+ Đường công vụ: bố trí hướng tạm để vận chuyển vật liệu, máy móc trong công trường, Đường kết nối với các tuyến giao thông bên ngoài.</li><li>+ Khu vực xử lý chất thải: bố trí bãi chứa rác thải xây dựng, Hệ thống xử lý nước thải.</li><li>+ Khu vực an toàn và hỗ trợ: bố trí hàng rào bao quanh công trường để đảm bảo an toàn và kiểm soát ra vào, Biển báo, đèn chiếu sáng, và các thiết bị an toàn (bình chữa cháy, khu vực sơ cứu), Khu vực để xe cho công nhân và phương tiện thi công.</li><li>+ Khu vực lắp đặt thiết bị tạm: bố trí hệ thống điện, nước tạm thời phục vụ thi công.</li></ul> <p>- Thuyết minh giải pháp kỹ thuật về bản vẽ tổ chức mặt bằng thi công trên đây đủ theo tiêu chuẩn hiện hành, hợp lý, phù hợp với điều kiện</p> |

Đạt

|  |   |           |
|--|---|-----------|
|  | biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.   |           |
|  | Không đáp ứng yêu cầu hoặc thiếu nội dung quy định.   | Không đạt |
| 1.1.2. Hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường   | <p>- Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý thi công xây dựng trong suốt quá trình thi công phù hợp với quy mô, tính chất của công trình bao gồm: Chỉ huy trưởng công trường/giám đốc dự án của nhà thầu; phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp, phụ trách công tác quản lý chất lượng, phụ trách an toàn trong thi công xây dựng, phụ trách quản lý khối lượng, phụ trách tiến độ thi công xây dựng, phụ trách quản lý hồ sơ thi công xây dựng công trình.</p> <p>- Thuyết minh rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng cá nhân đối với công tác quản lý thi công xây dựng nêu trên.</p> | Đạt       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu hoặc thiếu nội dung quy định.   | Không đạt |
| 1.1.3. Công tác chuẩn bị khởi công: Chuẩn bị tài chính, chuẩn bị mặt bằng thi công, chuẩn bị nhân sự và thiết bị; chuẩn bị hồ sơ kỹ thuật; chuẩn bị vật tư, vật liệu, tiến độ, phối hợp với các bên liên quan... | Trình bày kế hoạch và giải pháp kỹ thuật hợp lý theo quy định pháp luật hiện hành, phù hợp với điều kiện thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng   | Đạt       |
|  | Không trình bày hoặc không đáp ứng yêu cầu hoặc thiếu nội dung quy định.  | Không đạt |
| 1.1.4. Giải pháp kỹ thuật phù hợp với hồ sơ thiết kế của công trình đang xét   | Trình bày giải pháp kỹ thuật đầy đủ, hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công, hồ sơ thiết kế, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.  | Đạt       |
|  | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không đầy đủ, không phù hợp với hồ sơ thiết kế và hiện trạng công trình xây dựng hoặc thiếu nội dung.  | Không đạt |
| Kết luận   | Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết 1.1.1 đến 1.1.4 được xác định là đạt.  | Đạt       |

|  |  |           |
|--|--|-----------|
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt. | Không đạt |
|--|--|-----------|

### 1.2. Biện pháp tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng  |           |
|--|---|-----------|
| 1.2.1. Tổ chức thi công công trường                          | Biện pháp tổ chức thi công hợp lý, khả thi, phù hợp với mặt bằng công trường tại khoản 1.1.1 Mục 1.1 – Giải pháp kỹ thuật.                          | Đạt       |
|  | Không trình bày hoặc thiếu nội dung theo yêu cầu.   | Không đạt |
| 1.2.2. Biện pháp tổ chức thi công phù hợp với hồ sơ thiết kế | Trình bày bản vẽ biện pháp thi công; Trình bày thuyết minh biện pháp thi công, đầy đủ, chi tiết đáp ứng theo khối lượng mời thầu và hồ sơ thiết kế. | Đạt       |
|  | Thiếu nội dung hoặc không phù hợp theo yêu cầu.   | Không đạt |
| Kết luận   | Các tiêu chuẩn chi tiết 1.2.1, 1.2.2 được xác định là đạt.  | Đạt       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.  | Không đạt |

### 2. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng  |           |
|---|---|-----------|
| 2.1. Thời gian thi công: đáp ứng tiến độ thực hiện quy định tại Mẫu 01F (Webform) – Chương IV E-HSMT có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá thời gian yêu cầu của chủ đầu tư tính từ khi bàn giao mặt bằng thi công.  | Đạt       |
|   | Đề xuất thời gian thi công vượt quá thời gian yêu cầu của chủ đầu tư tính từ khi bàn giao mặt bằng thi công.  | Không đạt |
| 2.2. Biểu tiến độ thi công  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ biểu đồ tổng tiến độ, tiến độ chi tiết phù hợp với khối lượng mời thầu, hạng mục công trình và phù hợp với đề xuất tiến độ thi công của Nhà thầu.</li> <li>- Vẽ biểu đồ huy động nhân sự, vật liệu, thiết bị thi công phù hợp với biểu đồ tiến độ.</li> </ul> | Đạt       |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng  |           |
|------------------|---|-----------|
|                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết minh biện pháp quản lý tổng tiến độ, chi tiết;</li> <li>- Thuyết minh sự phối hợp giữa các công tác thi công, các tổ đội thi công đảm bảo tiến độ thực hiện công trình (kể cả công việc của nhà thầu phụ (nếu có))</li> <li>- Trình bày biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công khi gặp thời tiết bất lợi phù hợp với địa phương của gói thầu đang xét (như: mưa, bão, lũ lụt, mất điện...)</li> </ul> |           |
|                  | Không đáp ứng yêu cầu hoặc thiếu nội dung   | Không đạt |
| Kết luận         | Các tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2 được xác định là đạt .   | Đạt       |
|                  | Không thuộc các trường hợp nêu trên.  | Không đạt |

### 3. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu                                      | Mức độ đáp ứng  |           |
|---|---|-----------|
| 3.1. Chất lượng trong quá trình thi công:             | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt       |
|   | Không hợp lý, không khả thi hoặc không trình bày.   | Không đạt |
| 3.2. Quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị: | Quy trình, biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị                                | Đạt       |
|   | Không hợp lý, không khả thi hoặc không trình bày.   | Không đạt |
| 3.3. Bảo quản vật tư, vật liệu và thiết bị:           | Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão                                     | Đạt       |
|   | Không hợp lý, không khả thi hoặc không trình bày.   | Không đạt |
| 3.4. Sửa chữa hư hỏng:                                | Biện pháp sửa chữa hư hỏng trong quá trình thi công.  | Đạt       |
|   | Không hợp lý, không khả thi hoặc không trình bày.   | Không đạt |
| 3.5. Quản lý hồ sơ chất lượng công trình:             | Sơ đồ, thuyết minh quy trình lập, quản lý hồ sơ thi công, nghiệm thu theo pháp luật.              | Đạt       |
|   | Thiếu hoặc không đáp ứng.   | Không đạt |

|          |  |           |
|----------|--|-----------|
| Kết luận | Tất cả tiêu chuẩn 3.1 đến 3.5 đạt.                           | Đạt       |
|          | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt. | Không đạt |

#### 4. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng  |           |
|--|---|-----------|
| 4.1. An toàn lao động và giao thông:   |   |           |
| Biện pháp an toàn lao động và giao thông   | - Trình bày biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; biện pháp đảm bảo an toàn giao thông ra vào công trường: Bao gồm người cảnh giới, biển chỉ dẫn, cờ hiệu, đèn báo, biển hiệu, phù hiệu; biện pháp đảm bảo an toàn cho cư dân xung quanh công trường.<br>- Trình bày tổ chức đào tạo an toàn cho công nhân, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động, biện pháp bảo đảm an toàn lao động thi công, đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên. | Đạt       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu hoặc thiếu nội dung.  | Không đạt |
| 4.2. Phòng cháy, chữa cháy:  |   |           |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy  | Trình bày các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ cho các kho vật tư, vật liệu và những nơi nguy hiểm có nguy cơ cháy nổ cao trên công trường; vẽ sơ đồ và thuyết minh phương án tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ cho công trình.  | Đạt       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu hoặc thiếu nội dung.  | Không đạt |
| 4.3. Vệ sinh môi trường:   |   |           |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Trình bày giải pháp giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khói và rung động; phương án về việc kiểm soát và biện pháp xử lý nước thải; phương án về việc kiểm soát rác thải, vệ sinh trong quá trình thi công; vẽ sơ đồ và thuyết minh phương án tổ chức bộ máy quản lý về vệ sinh môi trường.  | Đạt       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu   | Không đạt |
| Kết luận   | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết 4.1, 4.2, 4.3 đều được xác   | Đạt       |

|  |  |           |
|--|--|-----------|
|  | định là đạt.   |           |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt. | Không đạt |

### 5. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu                        | Mức độ đáp ứng  |           |
|---|---|-----------|
| <b>5.1. Bảo hành</b>                    |   |           |
| Thời gian bảo hành                      | - Nhà thầu phải đề xuất thời gian bảo hành tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.<br>- Thuyết minh quy trình bảo hành, bảo trì công trình trong thời gian bảo hành.<br>- Nhà thầu cam kết: Có đội ngũ nhân viên sửa chữa, bảo hành sẵn sàng đáp ứng yêu cầu sửa chữa bảo hành trong vòng 08 giờ khi có yêu cầu của chủ đầu tư; | Đạt       |
|   | Không đáp ứng yêu cầu   | Không đạt |
| <b>5.2. Uy tín của nhà thầu</b>         |   |           |
| Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng | Nhà thầu có cam kết:<br>- Không bị vi phạm các nội dung theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định 214/2025/NĐ-CP;<br>+ Tất cả hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng công trình, tiến độ thực hiện hợp đồng.<br>+ Nhà thầu không có tên trong “Danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm” tại hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.   | Đạt       |
|   | + Nhà thầu không có cam kết;<br>+ Nhà thầu vi phạm một trong các nội dung tại Điều 19 và 20 Nghị định 214/2025/NĐ-CP;<br>+ Nhà thầu có tên trong “Danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm” tại hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.<br>+ Có 01 hợp đồng trước đó không đảm bảo hoặc không đáp ứng về chất lượng công trình, tiến độ                        | Không đạt |

|          |  |           |
|----------|--|-----------|
|          | thực hiện hợp đồng.  |           |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết 5.1, 5.2 được xác định là đạt.       | Đạt       |
|          | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt. | Không đạt |

### 6. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, vật liệu xây dựng:

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng   |           |
|--|--|-----------|
| 6.1. Vật tư, thiết bị chính theo danh mục quy định tại Chương V, E-HSMT.   | - Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thư cam kết cung ứng từ nhà cung cấp ( <i>kèm theo giấy ĐKKD</i> ).  | Đạt       |
|  | - Không đáp ứng yêu cầu  | Không đạt |
| 6.2. Tính hợp lệ của vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan cung cấp cho gói thầu theo danh mục tại Chương V, E-HSMT. | - Vật liệu, vật tư, thiết bị: Phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn hiệu (tên sản phẩm), nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị chính (được quy định tại Chương V, E-HSMT). Sản phẩm phải mới 100% từ năm 2024 trở lại đây.<br>- Cung cấp các tài liệu chứng minh về nguồn gốc xuất xứ của vật tư, thiết bị phù hợp với đề xuất của nhà thầu. | Đạt       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu hoặc không rõ ràng, thiếu sót hoặc không trình bày.  | Không đạt |
| Kết luận   | Các tiêu chuẩn chi tiết 6.1, 6.2 được xác định là đạt.   | Đạt       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.   | Không đạt |

Ghi chú: Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí 1, 2, 3, 4, 5 và 6 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chí 1, 2, 3, 4, 5, 6 thì đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.